TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2021/QĐST-HNGĐ	*Tp. Sóc Trăng, ngày 07 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm M, phường B2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973. Địa chỉ: khóm m, phường B2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H thật sự tự nguyện ly hôn nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn B thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có 02 người con chung gồm: cháu Lê Quốc B, sinh ngày 28/3/2000 và cháu Lê Hồng Ng, sinh ngày 06/7/2005, cháu Ng hiện đang sống cùng ông B. Ông B và bà H thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Hồng Ng, sinh ngày 06/7/2005 cho ông B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Lê Quốc B, sinh ngày 28/3/2000 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: ông B không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn B đồng ý mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009629 (ông B) và 0009630 (bà H) cùng ngày 15/3/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà H và ông B đã nộp xong lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn B thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có 02 người con chung gồm: cháu Lê Quốc B, sinh ngày 28/3/2000 và cháu Lê Hồng Ng, sinh ngày 06/7/2005, cháu Ng hiện đang sống cùng ông B. Ông B và bà H thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Hồng Ng, sinh ngày 06/7/2005 cho ông B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Lê Quốc B, sinh ngày 28/3/2000 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: ông B không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn B tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn B đồng ý mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009629 (ông B) và 0009630 (bà H) cùng ngày 15/3/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà H và ông B đã nộp xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu TAND thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương